

Yên Phong, ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Số: 03/2018/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L: Chị Lê Thị M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 62, đường N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Trương Thị M (tức Đ), sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M: Luật sư Nguyễn Thị H – Công ty Luật TNHH s Bắc Ninh, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Số 216, đường N, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Q, sinh năm 1959.

2. Chị Trương Thị T, sinh năm 1985

3. Chị Trương Thị H, sinh năm 1987.

4. Chị Trương Thị H, sinh năm 1989.

5. Chị Trương Thị H, sinh năm 1992.

6. Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1993.

7. Ông Trương Văn V, sinh năm 1965.

8. Ông Trương Văn T, sinh năm 1970.

9. Ông Trương Văn B, sinh năm 1973.

10. Chị Trương Thị S, sinh năm 1975.

11. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988.

12. Chị Trương Thị Th, sinh năm 1983.

Các đương sự đều trú tại: Thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

13. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, bà Q, ông V, ông T, ông B, bà S, chị T, chị Th, chị H, chị H, chị H, anh Đ: Chị Hoàng Thúy H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 62, đường N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác nhận khối di sản của bà Trương Thị Đ để lại bao gồm thửa đất 263, tờ bản đồ địa chính số 23, có diện tích 219 m² tại thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Trương Thị Đ, bà Trương Thị Q, ông Trương Văn V, ông Trương Văn T, ông Trương Văn B, bà Trương Thị S, chị Trương Thị Th, chị Trương Thị T, chị Trương Thị H, chị Trương Thị H, chị Trương Thị H, anh Trương Văn Đ tự nguyện tặng cho bà Trương Thị L kỷ phần của bà Đ, bà Q, ông V, ông T, ông B, bà S, chị T, chị T, chị H, chị H, chị H, anh Đ.

- Bà Trương Thị L được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 93,6 m² tại thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, trên thửa đất có xây dựng 1 lán mái lợp proximãng. Thửa đất có kích thước như sau: Cạnh phía Tây giáp ngõ đi dài 18 m; cạnh phía Nam giáp nhà ông bà T dài 5,2 m; cạnh phía Đông dài 18 m giáp phần đất của chị M; cạnh phía Bắc dài 5,2 m giáp đường đi của thôn.

- Chị Trương Thị M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 125,4 m² tại thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Trên thửa đất có xây dựng 1 ki ốt mái lợp tôn lạnh diện tích 20,52 m², 1 nhà cấp bốn diện tích 30,24 m², 1 lán mái lợp tôn lạnh diện tích 74,64 m². Thửa đất có kích thước như sau: Cạnh phía Tây giáp phần đất của bà L kích thước 18 m; cạnh phía Đông giáp nhà ông bà L dài 17,83 m; cạnh phía Bắc giáp đường đi của ngõ dài 7,2 m; cạnh phía Nam giáp nhà ông bà T dài 6,85 m.

- Chị Trương Thị M có trách nhiệm trích trả cho bà Trương Thị L số tiền 60.000.000 đồng (xác nhận bà Trương Thị L đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đồng do chị Trương Thị M trích trả).

- Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị L.

Chị Trương Thị M phải chịu 23.910.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Q, bà Trương Thị Đ, ông Trương Văn V, ông Trương Văn T, ông Trương Văn B, bà Trương Thị S mỗi người phải chịu 2.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn Đ, chị Trương Thị H, chị Trương Thị H, chị Trương Thị H, chị Trương Thị T, chị Trương Thị T mỗi người phải chịu 338.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN